

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - THANH HOÁ **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 14/8/2025

Về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” thụ lý số 39/2025/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX- ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐ – HNGĐ, ngày 29/7/2025, giữa các đương sự.

** Nguyên đơn:* Anh Vi Ngọc T, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa

** Bị đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình Tòa án tiến hành giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh Vi Ngọc T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Vi Ngọc T và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/07/2018 tại UBND Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đến cuối năm 2024 mâu thuẫn trầm trọng, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vi Ngọc Bảo Â, sinh ngày 12/11/2018 và cháu Vi Thị Ánh D, sinh ngày 27/10/2020. Hiện cháu Bảo Â đang ở cùng với anh T, cháu đi học khỏe mạnh, phát triển tốt. Cháu Ánh D đang sống cùng với chị Phạm Thị L tại thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Nay ly hôn, nguyện vọng của anh T là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bảo Â, còn chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh D.

Về phần cấp dưỡng đóng góp nuôi con chung: Không ai phải đóng góp nuôi con chung.

Hiện tại anh đang làm việc tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, lời khai tại Tòa án bị đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Vi Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đến cuối năm 2024 mâu thuẫn trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay chị L cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vi Ngọc Bảo Â, sinh ngày 12/11/2018 và cháu Vi Thị Ánh D, sinh ngày 27/10/2020. Hiện cháu Bảo Â đang ở cùng với anh T, cháu Ánh D đang sống cùng với chị Phạm Thị L tại thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Các cháu đi học khỏe mạnh, phát triển tốt.

Nay ly hôn, nguyện vọng của chị L là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ánh D, còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo Â

Về phần cấp dưỡng đóng góp nuôi con chung: Không ai phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Trong thời gian chung sống vợ chồng có vay của chị gái chị L là Phạm Thị L1 1 chỉ vàng và 20.000.000đ, vay chị Phạm Thị L2 35.000.000đ, vay chị Phạm Thị L3 20.000.000đ, vay vốn 100.000.000đ. Tất cả số nợ trên vay để lo cho anh T đi nước ngoài. Nay ly hôn chị L đề nghị nợ chung của vợ chồng chia đôi, mỗi người trả 92.500.000đ

* Tại biên bản xác minh ngày 14/7/2025, đại diện chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa cung cấp thông tin:

Anh Vi Ngọc T và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân của mâu thuẫn là gì địa phương không nắm bắt được vì vợ chồng không báo cáo lên thôn, xã. Sau khi mâu thuẫn xảy ra cháu Ánh D về sống cùng mẹ tại thôn A, xã T, cháu Bảo Â sống cùng bố tại thôn A, xã T. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Về điều kiện nuôi con: Anh T và chị L đều là lao động tự do, thu nhập bao nhiêu một tháng chính quyền địa phương không nắm được.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận cho anh Vi Ngọc T và chị Phạm Thị L được ly hôn.

+ Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Vi Ngọc Bảo A, sinh ngày 12/11/2018 cho anh Vi Ngọc T nuôi dưỡng; giao cháu Vi Thị Ánh D, sinh ngày 27/10/2020 cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Vi Ngọc T và chị Phạm Thị L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T và chị L theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Vi Ngọc T và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 23/7/2018, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã lẫn nhau, đến cuối năm 2024 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị L về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh T và chị L đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn

Xét thấy yêu cầu ly hôn của anh T và chị L là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vi Ngọc T và chị Phạm Thị Lệ .

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vi Ngọc Bảo Á, sinh ngày 12/11/2018 và cháu Vi Thị Ánh D, sinh ngày 27/10/2020. Hiện cháu Bảo Á đang ở cùng với anh T, cháu Ánh D đang sống cùng với chị Phạm Thị Lệ . Các cháu đều được đi học và khỏe mạnh, phát triển tốt.

Nay ly hôn anh T và chị L thống nhất giao cháu Bảo Á cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ánh D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Do đó công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị L về phần con chung.

[4] Về tài sản, công nợ:

- Tại đơn khởi kiện anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản chung và công nợ chung.

- Tại bản tự khai chị L đề nghị Tòa án giải quyết về phần nợ chung.

Tòa án đã yêu cầu chị L cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản nợ chung của vợ chồng và ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của chị L, tuy nhiên chị L không cung cấp được tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản nợ và cũng không nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét về phần công nợ chung của vợ chồng theo yêu cầu của chị L.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vi Ngọc T và chị Phạm Thị L

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị L về việc giao con chung như sau:

Giao cháu Vi Ngọc Bảo Á, sinh ngày 12/11/2018 cho anh Vi Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Vi Thị Ánh D, sinh ngày 27/10/2020 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vi Ngọc T và chị Phạm Thị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vi Ngọc T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0004409 ngày 4 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 – Thanh Hóa).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- VKS Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- UBND xã Thọ Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan